

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
TIÊN SƠN HÀ TÂY**

*Báo cáo Tài chính*

*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*

*đã được soát xét*

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 – 27
Bảng cân đối kế toán	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 27

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1401/QĐ-UB ngày 10/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Hồng Quang – Huyện Ứng Hòa – Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Thị Hiền	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Nguyễn Thế Nhậm	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Nguyễn Thế Nhậm	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Bà Hoàng Thị Hiền	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Tường Mạnh Biên	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Bính	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Nhậm	Giám đốc
Ông Tường Mạnh Biên	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hà	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Danh Lệ	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hữu Khương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Trần Xuân Nghinh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Bùi Văn Đồng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2013)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

**Công ty Cổ phần Xi Măng Tiên Sơn Hà Tây**

Địa chỉ: Xã Hồng Quang – Huyện Ứng Hòa – Thành phố Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc

**Nguyễn Thế Nhậm**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013



Số : 1449/2013/BC.KTTC-AASC.KT5

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

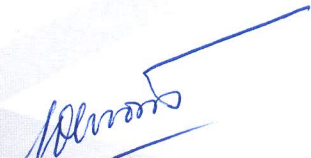
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0063-2013-002-1  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013



**Trần Thị Mai Hương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0593-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>48.592.641.660</b>	<b>49.397.265.187</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.760.811.201</b>	<b>8.132.811.844</b>
111	1. Tiền		2.760.811.201	8.132.811.844
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>990.245.000</b>	<b>1.205.225.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		990.245.000	1.205.225.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>25.587.569.439</b>	<b>23.184.748.120</b>
131	1. Phải thu khách hàng		23.978.015.118	21.874.993.999
132	2. Trả trước cho người bán		521.321.387	287.321.622
135	3. Các khoản phải thu khác	<b>5</b>	1.534.130.897	1.476.151.294
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(445.897.963)	(453.718.795)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>17.690.451.119</b>	<b>14.745.734.973</b>
141	1. Hàng tồn kho		17.690.451.119	14.745.734.973
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.563.564.901</b>	<b>2.128.745.250</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		181.203.203	50.000.000
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>7</b>	96.081.471	163.781.271
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	<b>8</b>	1.286.280.227	1.914.963.979
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>9.795.084.030</b>	<b>10.849.140.700</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>7.720.845.668</b>	<b>9.250.508.204</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>9</b>	7.467.482.028	8.997.144.564
222	- Nguyên giá		66.867.940.275	67.789.468.039
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.400.458.247)	(58.792.323.475)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>10</b>	253.363.640	253.363.640
260	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.074.238.362</b>	<b>1.598.632.496</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>11</b>	1.606.972.732	1.598.632.496
268	2. Tài sản dài hạn khác		467.265.630	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>58.387.725.690</b>	<b>60.246.405.887</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>23.192.569.672</b>	<b>21.838.842.806</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>22.208.974.664</b>	<b>21.203.962.806</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	1.700.000.000	700.000.000
312	2. Phải trả người bán		11.938.863.196	10.458.187.427
313	3. Người mua trả tiền trước		174.801.065	318.516.629
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.334.449.072	1.633.344.066
315	5. Phải trả người lao động		555.977.184	2.225.573.184
316	6. Chi phí phải trả	14	1.898.359.120	2.103.291.392
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	3.085.737.471	3.210.927.552
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		520.787.556	554.122.556
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>983.595.008</b>	<b>634.880.000</b>
338	1. Doanh thu chưa thực hiện		983.595.008	634.880.000
<b>400</b>	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>35.195.156.018</b>	<b>38.407.563.081</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>35.195.156.018</b>	<b>38.407.563.081</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		29.361.400.000	29.361.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		894.000.000	894.000.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.763.097.626	9.763.097.626
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		2.255.693.000	2.255.693.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(7.079.034.608)	(3.866.627.545)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>58.387.725.690</b>	<b>60.246.405.887</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý		96.447.000	96.447.000



Nguyễn Thế Nhậm  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013

  
Đình Văn Duy  
Kế toán trưởng



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	26.647.951.870	39.962.565.842
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.647.951.870	39.962.565.842
11	3. Giá vốn hàng bán	18	24.371.179.582	38.855.130.904
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.276.772.288	1.107.434.938
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19	114.245.447	358.128.977
22	6. Chi phí tài chính	20	124.630.758	46.918.054
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		118.035.696	45.918.054
24	7. Chi phí bán hàng	21	1.174.340.198	2.520.857.812
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.284.936.842	2.353.546.872
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.192.890.063)	(3.455.758.823)
31	10. Thu nhập khác		35.781.000	63.577.000
40	11. Lợi nhuận khác		35.781.000	63.577.000
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.157.109.063)	(3.392.181.823)
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.157.109.063)	(3.392.181.823)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	(394)	(1.155)



Nguyễn Thế Nhậm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013

Đình Văn Duy

Kế toán trưởng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		29.023.529.932	45.220.152.200
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(30.403.952.196)	(39.919.202.449)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.057.155.000)	(6.587.591.000)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(113.682.520)	(53.176.119)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.482.475.532	492.888.947
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(651.223.228)	(3.522.863.470)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.720.007.480)</b>	<b>(4.369.791.891)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(157.755.000)	(217.862.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		372.735.000	716.560.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		114.245.447	418.128.977
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>329.225.447</b>	<b>916.826.977</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.700.000.000	700.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(700.000.000)	(1.500.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.981.218.610)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(981.218.610)</b>	<b>(800.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(5.372.000.643)</b>	<b>(4.252.964.914)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.132.811.844	10.893.883.370
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	2.760.811.201	6.640.918.456



Nguyễn Thế Nhậm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013

Đình Văn Duy

Kế toán trưởng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1401/QĐ-UB ngày 10/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Hồng Quang – Huyện Ứng Hòa – Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 29.361.400.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ ba trăm sáu mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*), tương đương 2.936.140 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiên Sơn	Xã Tượng Lĩnh, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam	Khai thác và chế biến đá; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất bao bì, tấm lợp, gia công cơ khí; Xây dựng công trình dân dụng công nghiệp

Công ty TNHH Tiên Sơn được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên ngày 09/09/2009, mã số thuế 0700.414.528.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất vật liệu xây dựng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0303000348 ngày 29/12/2004 (sửa đổi lần thứ ba ngày 03/10/2008) do Sở Kế hoạch - Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất xi măng, clinker, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi;
- San lấp mặt bằng công trình;
- Kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn;
- Khai thác, chế biến đá.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

## 2.4. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## 2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

## 2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo chốt quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

## 2.13. Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.14. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.15. Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.695.992.330	3.918.376.420
Tiền gửi ngân hàng	64.818.871	4.214.435.424
	<b>2.760.811.201</b>	<b>8.132.811.844</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đào Huy Hoàng (1)	366.951.000	350.000.000
Tiền cho CBCNV vay lấy lãi (2)	623.294.000	855.225.000
	<b>990.245.000</b>	<b>1.205.225.000</b>

(1) Theo giấy nhận nợ ngày 17/12/2012, mức lãi suất được tính theo lãi suất cho vay của ngân hàng, hỗ trợ hai tháng đầu không tính lãi kể từ ngày nhận nợ.

(2) Theo thông báo số 23/TB-CT ngày 08/06/2011 của Giám đốc Công ty, mức lãi suất cho vay được áp dụng trong kỳ là 2%/tháng.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	122.274.000	142.550.000
Phải thu kinh phí công đoàn	-	95.282.720
Phải thu khác	1.411.856.897	1.238.318.574
- BHXH phải thu của người lao động	67.921.682	3.717.000
- Tiền vật tư xuất, tiền thuê mướn Công ty Sơn Phát	13.750.000	163.754.063
- Tạm ứng cho phòng XDCB thi công công trình	481.524.274	-
- Phải thu Tạ Hữu Yên	240.806.294	240.806.294
- Phải thu Công ty CP Đầu tư Thương mại Thế giới	50.000.000	50.000.000
- Phải thu Lê Thị My	15.750.000	75.750.000
- Phải thu Nguyễn Bắc Lược	363.775.256	459.843.494
- Phải thu Nguyễn Văn Thắng	147.823.883	54.813.961
- Phải thu khác	30.505.508	189.633.762
	<b>1.534.130.897</b>	<b>1.476.151.294</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.910.237.954	7.544.238.079
Công cụ, dụng cụ	1.647.006.979	1.487.176.086
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.737.728.231	3.906.050.408
Thành phẩm	2.393.544.139	1.806.336.584
Hàng gửi đi bán	1.933.816	1.933.816
	<b>17.690.451.119</b>	<b>14.745.734.973</b>

**7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	96.081.471	96.081.471
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	67.699.800
	<b>96.081.471</b>	<b>163.781.271</b>

(\*): Thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Tiên Sơn.

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.286.280.227	1.684.563.979
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	230.400.000
	<b>1.286.280.227</b>	<b>1.914.963.979</b>



**9. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>											
Số dư đầu năm	20.736.518.169	40.560.618.972	3.019.182.164	1.206.269.807	2.266.878.927	67.789.468.039					
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	(255.421.445)	(225.351.798)	-	(298.580.227)	(142.174.294)	(921.527.764)					
- <i>Giảm khác (*)</i>	(255.421.445)	(225.351.798)	-	(298.580.227)	(142.174.294)	(921.527.764)					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.481.096.724</b>	<b>40.335.267.174</b>	<b>3.019.182.164</b>	<b>907.689.580</b>	<b>2.124.704.633</b>	<b>66.867.940.275</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>											
Số dư đầu năm	20.206.411.229	33.274.170.319	2.195.651.218	849.211.782	2.266.878.927	58.792.323.475					
Số tăng trong kỳ	74.769.906	1.193.134.730	153.990.972	38.660.978	-	1.460.556.586					
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	74.769.906	1.193.134.730	153.990.972	38.660.978	-	1.460.556.586					
Số giảm trong kỳ	(246.099.561)	(225.351.798)	-	(238.796.161)	(142.174.294)	(852.421.814)					
- <i>Giảm khác (*)</i>	(246.099.561)	(225.351.798)	-	(238.796.161)	(142.174.294)	(852.421.814)					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.035.081.574</b>	<b>34.241.953.251</b>	<b>2.349.642.190</b>	<b>649.076.599</b>	<b>2.124.704.633</b>	<b>59.400.458.247</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>											
Tại ngày đầu năm	530.106.940	7.286.448.653	823.530.946	357.058.025	-	8.997.144.564					
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>446.015.150</b>	<b>6.093.313.923</b>	<b>669.539.974</b>	<b>258.612.981</b>	<b>-</b>	<b>7.467.482.028</b>					

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.774.333.499 VND.

(\*): TSCĐ giảm trong kỳ do không đủ điều kiện là Tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>253.363.640</b>	<b>253.363.640</b>
- Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng lò quay (*)	253.363.640	253.363.640
	<b>253.363.640</b>	<b>253.363.640</b>

(\*) Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay với công suất dự kiến 1000 tấn/ngày, tổng mức đầu tư dự kiến là gần 400 tỷ đồng dự kiến hoàn thành vào năm 2012. Dự án đã được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua nhưng hiện dự án chưa triển khai các bước tiếp theo vì chủ đầu tư chưa đủ điều kiện về vốn.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.598.632.496	1.734.902.501
Số tăng trong kỳ	188.480.900	85.523.335
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(180.140.664)	(415.665.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.606.972.732</b>	<b>1.404.760.836</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thăm dò mỏ đá (*)	1.121.750.000	1.121.750.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	71.013.329	65.773.331
Chi thanh toán trợ cấp mất việc làm	414.209.403	411.109.165
	<b>1.606.972.732</b>	<b>1.598.632.496</b>

(\*): Đây là chi phí thăm dò mỏ đá đang chờ UBND tỉnh Hà Nam đồng ý cho khai thác.

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>
Vay ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (MHB) - Chi nhánh Hà Nội	1.700.000.000	700.000.000
	<b>1.700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

- Hợp đồng tín dụng số NC.0002.13/HĐTD;
- Bên cho vay: Ngân hàng Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (MHB) chi nhánh Hà Tây;
- Tổng số tiền vay: 1.700.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 12 tháng: từ 28/01/2013 đến 28/01/2014;
- Lãi suất vay trong hạn: Áp dụng theo quy định của NH MHB công bố tại từng thời kỳ;
- Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn;
- Phương thức bảo đảm khoản vay: thế chấp bằng tài sản của bên thứ 3. Cụ thể tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất sẽ hình thành trong tương lai của ông Nguyễn Văn Thùy được định giá 3.578.400.000 VND.

### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.608.780.483	1.163.090.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	157.052.133	157.052.133
Thuế thu nhập cá nhân	25.224.000	21.033.000
Thuế tài nguyên	163.966.000	36.936.200
Các loại thuế khác	208.544.000	208.544.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	170.882.456	46.688.656
	<b><u>2.334.449.072</u></b>	<b><u>1.633.344.066</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	4.353.176	-
Trích trước chi phí thuê vận chuyển bốc xúc	160.867.000	160.867.000
Trích trước chi phí công trình Tào Khê	949.178.860	949.178.860
Trích trước chi phí công trình Yên Mông	643.174.911	643.174.911
Trích trước chi phí thuê đất	8.959.440	-
Trích trước tiền điện	131.825.733	350.070.621
	<b><u>1.898.359.120</u></b>	<b><u>2.103.291.392</u></b>



**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	94.814.880	-
Bảo hiểm xã hội	458.043.728	288.829.261
Phải trả về cổ phần hóa	826.350.000	826.350.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.706.528.863	2.095.748.291
- <i>Phải trả tiền tạm ứng</i>	437.435.414	100.445.105
- <i>Tiền ăn ca độc hại</i>	246.797.876	160.437.876
- <i>Phải trả phòng XD/CB</i>	-	797.221.008
- <i>Phải trả Nguyễn Chiến Thắng - Công trình Tào Khê</i>	771.899.552	862.870.157
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	250.396.021	174.774.145
	<u><u>3.085.737.471</u></u>	<u><u>3.210.927.552</u></u>



**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	29.361.400.000	894.000.000	9.146.860.765	1.988.632.000	5.341.224.861	46.732.117.626						
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(3.392.181.823)	(3.392.181.823)						
Phân phối quỹ	-	-	616.236.861	267.061.000	(883.297.861)							
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(534.121.000)	(534.121.000)						
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(106.824.000)	(106.824.000)						
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>29.361.400.000</b>	<b>894.000.000</b>	<b>9.763.097.626</b>	<b>2.255.693.000</b>	<b>424.800.177</b>	<b>42.698.990.803</b>						
Số dư đầu năm này	29.361.400.000	894.000.000	9.763.097.626	2.255.693.000	(3.866.627.545)	38.407.563.081						
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(1.157.109.063)	(1.157.109.063)						
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(2.055.298.000)	(2.055.298.000)						
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>29.361.400.000</b>	<b>894.000.000</b>	<b>9.763.097.626</b>	<b>2.255.693.000</b>	<b>(7.079.034.608)</b>	<b>35.195.156.018</b>						

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	8.507.000.000	28,97%	8.507.000.000	28,97%
Bà Hoàng Thị Hiền	3.213.000.000	10,94%	3.123.000.000	10,94%
Vốn góp của đối tượng khác	17.641.400.000	60,09%	17.731.400.000	60,08%
	<b>29.361.400.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>29.361.400.000</b>	<b>100,00%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>29.361.400.000</b>	<b>29.361.400.000</b>
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>29.361.400.000</i>	<i>29.361.400.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>29.361.400.000</i>	<i>29.361.400.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.055.298.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm 2011</i>	<i>2.055.298.000</i>	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.936.140	2.936.140
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.936.140	2.936.140
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.936.140</i>	<i>2.936.140</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.936.140	2.936.140
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.936.140</i>	<i>2.936.140</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.763.097.626	9.763.097.626
Quỹ dự phòng tài chính	2.255.693.000	2.255.693.000
	<b>12.018.790.626</b>	<b>12.018.790.626</b>

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	26.647.951.870	39.587.309.932
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	375.255.910
	<b>26.647.951.870</b>	<b>39.962.565.842</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	24.371.179.582	38.670.601.813
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	184.529.091
	<b><u>24.371.179.582</u></b>	<b><u>38.855.130.904</u></b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	114.245.447	358.128.977
	<b><u>114.245.447</u></b>	<b><u>358.128.977</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	118.035.696	45.918.054
Chi phí tài chính khác	6.595.062	1.000.000
	<b><u>124.630.758</u></b>	<b><u>46.918.054</u></b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	346.810.665	503.418.000
Chi phí khác bằng tiền	827.529.533	2.017.439.812
	<b><u>1.174.340.198</u></b>	<b><u>2.520.857.812</u></b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.024.350	-
Chi phí nhân công	732.941.000	905.440.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	160.925.021	219.258.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.904.922	36.543.505
Chi phí khác bằng tiền	1.182.962.381	1.192.304.625
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.820.832)	-
	<b><u>2.284.936.842</u></b>	<b><u>2.353.546.872</u></b>



### 23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.157.109.063)	(3.392.181.823)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	320.328.103
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	320.328.103
Chuyển lỗ năm trước	(7.363.281.442)	-
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	(8.520.390.505)	(3.071.853.720)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	157.052.133	157.052.133
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>157.052.133</b>	<b>157.052.133</b>

### 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.157.109.063)	(3.392.181.823)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.157.109.063)	(3.392.181.823)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.936.140	2.936.140
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(394)</b>	<b>(1.155)</b>

### 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.519.678.085	47.805.128.975
Chi phí nhân công	5.896.015.277	13.380.335.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.478.285.929	2.481.569.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.757.520.157	7.052.087.572
Chi phí khác bằng tiền	4.045.978.564	6.722.788.165
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.820.832)	-
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>32.697.478.012</b>	<b>77.441.910.046</b>

## 26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.760.811.201	-	8.132.811.844	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.512.146.015	(445.897.963)	23.351.145.293	(453.718.795)
Các khoản cho vay	990.245.000	-	1.205.225.000	-
	<b>29.263.202.216</b>	<b>(445.897.963)</b>	<b>32.689.182.137</b>	<b>(453.718.795)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.700.000.000	700.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.024.600.667	13.669.114.979
Chi phí phải trả	1.898.359.120	2.103.291.992
	<b>18.622.959.787</b>	<b>16.472.406.971</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.



**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.760.811.201	2.760.811.201
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.066.248.052	25.066.248.052
Các khoản cho vay	990.245.000	990.245.000
<b>Cộng</b>	<b>28.817.304.253</b>	<b>28.817.304.253</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.132.811.844	8.132.811.844
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.897.426.498	22.897.426.498
Các khoản cho vay	1.205.225.000	1.205.225.000
<b>Cộng</b>	<b>32.235.463.342</b>	<b>32.235.463.342</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>		
Vay và nợ	1.700.000.000	1.700.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.024.600.667	15.024.600.667
Chi phí phải trả	1.898.359.120	1.898.359.120
	<b>18.622.959.787</b>	<b>18.622.959.787</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>		
Vay và nợ	700.000.000	700.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	13.669.114.979	13.669.114.979
Chi phí phải trả	2.103.291.392	2.103.291.392
	<b>16.472.406.371</b>	<b>16.472.406.371</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 27. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ban hành vào ngày 26 tháng 04 năm 2013, bà Hoàng Thị Hiền được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế cho ông Nguyễn Thế Nhậm.

## 28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

**Báo cáo bộ phận chính yếu - theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong kỳ, toàn bộ doanh thu thuần là doanh thu bán thành phẩm

**Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực địa lý**

Trong kỳ, toàn bộ doanh thu thuần về bán hàng phát sinh tại khu vực miền Bắc

## 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	229.900.000	365.882.000

### 31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.



**Nguyễn Thế Nhậm**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2013

**Đinh Văn Duy**  
Kế toán trưởng

